TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 65/2021/DS-ST
Ngày: 16 - 11 - 2021
V/V tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY-TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Thanh Sơn**.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Văn Tám.**
2. Bà **Trần Thị Út**.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Huỳnh Thanh An** - Cán bộ TAND thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 16 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2021/TLST- DS ngày 22 tháng 01 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2021/QĐXXST- DS ngày 26 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự.

1/ Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Ánh T**, sinh năm 1957; (có mặt)

Địa chỉ: Số A, đường T, phường L, quận M,TP Hồ Chí Minh.

2/ Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Bích N**, sinh năm 1958; (vắng mặt)

Anh **Phan Văn Đ**, sinh năm 1980; (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp Q, xã K, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

3/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Phan Văn G**, sinh năm 1958; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Q, xã K, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 29/12/2020, tại lời khai trong các biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Ánh T trình bày:* Do quen biết với nhau nên vào ngày 28/9/2018 bà T có cho bà Nguyễn Thị Bích N và anh Phan Văn Đ vay số tiền là 120.000.000 đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận trong hợp đồng là 5% tháng, trả vốn dần hàng tháng là 20.000.000 đồng và lãi, thời gian trả bắt đầu từ ngày 28/11/2018

cho đến khi trả hết số nợ vốn vay là 120.000.000 đồng. Khi vay bà N và anh Đ có làm hợp đồng vay tiền, có ký tên và ghi họ tên vào hợp đồng vay tiền, còn phía ông Phan Văn G không có cùng đi vay và không ký tên ghi họ tên vào hợp đồng vay tiền. Sau khi vay tiền đến ngày 28/11/2018 phía bà N và anh Đ có trả được 5.000.000 đồng tiền lãi nhưng không có trả vốn theo thỏa thuận. Do bà N và anh Đ vi phạm nghĩa vụ trả tiền vay theo thỏa thuận, nên bà T có đòi nhiều lần nhưng phía bà N và anh Đ hẹn mà không trả. Nay bà T chỉ yêu cầu phía bà N và anh Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T số tiền vốn vay là 120.000.000 đồng và lãi suất chỉ yêu cầu 1%/tháng tính từ ngày 28/11/2018 cho đến ngày xét xử là ngày 16/11/2021 là trên 35 tháng lãi, bà T chỉ yêu cầu tính 35 tháng lãi nhưng trừ đi số tiền lãi mà bà T đã nhận của bà N và anh Đ là 5.000.000 đồng; bà T không yêu cầu phía người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn G có nghĩa vụ liên đới cùng với bà N và anh Đ trả số tiền vay và lãi cho bà T.

* Bị đơn bà Nguyễn Thị Bích N, anh Phan Văn Đ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn G dù đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, thông báo mở lại phiên tòa và triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gởi cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở lời trình bày của các đương sự, các tài liệu chứng cứ được đưa ra xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Việc vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Thị Bích N, anh Phan Văn Đ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn G. Xét thấy, bị đơn bà N, anh Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trưởng đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt phía bị đơn bà N, anh Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông G.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Xác định đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Ánh T: Bà T chỉ yêu cầu phía bà N và anh Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T số tiền vốn vay là 120.000.000 đồng và lãi suất chỉ yêu cầu 1%/tháng tính từ ngày 28/11/2018 cho đến ngày xét xử là ngày 16/11/2021là trên 35 tháng lãi, bà T chỉ yêu cầu tính 35 tháng lãi nhưng trừ đi số tiền lãi mà bà T đã nhận của bà N và anh Đ là 5.000.000 đồng; bà T không yêu cầu phía người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn G có nghĩa vụ liên đới cùng với bà N và anh Đ trả số tiền vay và lãi cho bà T. Xét thấy, yêu cầu của phía nguyên đơn bà T là có căn cứ để chấp nhận. Bởi lẽ, tại phiên tòa hôm nay phía nguyên đơn bà T xác định là vào ngày 28/9/2018 phía bà T có cho bà Nguyễn Thị Bích N và anh Phan Văn Đ vay số tiền là 120.000.000 đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận trong hợp đồng là

5% tháng, trả vốn dần hàng tháng là 20.000.000 đồng và lãi, thời gian trả bắt đầu từ ngày 28/11/2018 cho đến khi trả hết số nợ vốn vay là 120.000.000 đồng. Khi vay bà N và anh Đ có làm hợp đồng vay tiền có ký tên và ghi họ tên vào hợp đồng vay tiền, còn phía ông Phan Văn G không có cùng đi vay và không ký tên ghi họ tên vào hợp đồng vay tiền. Sau khi vay đến ngày 28/11/2018 phía bà N và anh Đ có trả được 5.000.000 đồng tiền lãi nhưng không có trả vốn theo thỏa thuận. Do bà N và anh Đ vi phạm nghĩa vụ trả tiền vay theo thỏa thuận, nên bà T có đến nhà đòi nhiều lần nhưng phía bà N và anh Đ hẹn mà không trả kéo dài cho đến nay. Phía bà T cũng có cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh là có cho bà N và anh Đ vay tiền cụ thể là hợp đồng vay tiền bản gốc ghi ngày 28/9/2018 do phía bà N và anh Đ viết, có ký tên và ghi họ tên vào hợp đồng vay tiền nên yêu cầu của khởi kiện của phía nguyên đơn bà T là có căn cứ để chấp nhận.

[4] Đối với phía bị đơn bà Nguyễn Thị Bích N và anh Phan Văn Đ dù đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn không đến và không có ý kiến gởi cho Tòa án. Cho thấy, phía bị đơn bà N và anh Đ đã biết được số tiền mà phía nguyên đơn bà T đã khởi kiện để yêu cầu phía bị đơn bà N và anh Đ phải có nghĩa vụ trả, nhưng phía bị đơn bà N và anh Đ đã từ bỏ nghĩa vụ cung cấp chứng cứ để chứng minh là mình có nợ số tiền vay đối với yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn hay không, đều này cũng đồng nghĩa là phía bị đơn bà N và anh Đ đã thừa nhận số tiền nợ mà phía nguyên đơn đã khởi kiện và yêu cầu phía bị đơn bà N và anh Đ phải có nghĩa vụ trả nên bà N và anh Đ không cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Việc bị đơn cố tình không đến là nhằm kéo dài thời gian trả nợ và gây khó khăn cho việc thu hồi nợ đối với phía nguyên đơn. Đối với phía bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với nguyên đơn nên cần buộc phía bị đơn bà Nguyễn Thị Bích N và anh Phan Văn Đ phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Ánh T số tiền vốn vay là 120.000.000 đồng.

[5] Về lãi suất: Theo nguyên đơn bà T cho rằng trước đây hai bên thỏa thuận vay với lãi suất là 5%/tháng, khi làm đơn khởi kiện bà T yêu cầu tình lãi suất là 1,5%/tháng nhưng tại phiên tòa hôm nay bà T chỉ yêu cầu tính lãi suất là 1%/tháng thời gian tính lãi kể từ ngày 28/11/2018 đến ngày xét xử hôm nay là ngày 16/11/2021 là trên 35 tháng lãi, bà T chỉ yêu cầu tính 35 tháng lãi nhưng trừ đi số tiền lãi mà bà T đã nhận của bà N và anh Đ là 5.000.000 đồng, nên về lãi suất được tính cụ thể như sau: Số tiền vốn vay là 120.000.000 đồng x 1%/ tháng x 35 tháng thành tiền là 42.000.000 đồng nhưng trừ đi 5.000.000 đồng tiền lãi mà bà T nhận trước đó của bà N và anh Đ, nên bà N và anh Đ phải có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền lãi là 37.000.000 đồng.

[6] Từ những tài liệu, chứng cứ như phân tích trên nên Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn bà T và buộc phía bị đơn bà Nguyễn Thị Bích N và anh Phan Văn Đ phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn

Ánh T tổng cộng số tiền là 157.000.000 đồng (trong đó số tiền vốn vay là 120.000.000 đồng và lãi là 37.000.000 đồng).

[7] Đối với phía nguyên đơn bà T, tại phiên tòa hôm nay chỉ yêu cầu phía bị đơn bà N và anh Đ có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay và lãi cho bà T. Bà T không yêu cầu phía người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn G phải có nghĩa vụ liên đới cùng với bà N và anh Đ trả số tiền vay và lãi cho bà T, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét để giải quyết.

[8] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Ánh T, nên phía bị đơn bà N và anh Đ phải có nghĩa vụ liên đới chịu án phí trên số tiền phải trả cho phía bà T là 157.000.000 đồng theo quy định tại khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; nên bà N và anh Đ phải có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.850.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Về dân sự: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Ánh T.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Bích N và anh Phan Văn Đ phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Ánh T tổng cộng số tiền là 157.000.000 đồng (trong đó số tiền vốn vay là 120.000.000 đồng và lãi là 37.000.000 đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn bà T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn bà N và anh Đ chậm thực hiện nghĩa vụ thì còn phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trên số tiền chậm trả tương ứng thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

Buộc bà Nguyễn Thị Bích N và anh Phan Văn Đ phải có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.850.000 đồng.

Do nguyên đơn bà Nguyễn Ánh T được miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, nên không phải xem xét hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho phía bà Nguyễn Ánh T.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn bà Nguyễn Ánh T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn bà Nguyễn Thị Bích N,

anh Phan Văn Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn G thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Thanh Sơn

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã Cai Lậy;
- CCTHADS thị xã Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.